

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá: Đạt / Không đạt

1. Giải pháp cung ứng vật tư, vật liệu, thiết bị và mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư vật liệu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>Kế hoạch cung ứng đối với các vật tư, vật liệu chính:</p> <p>1) Xi măng. 2) Bê tông thương phẩm. 3) Cấp phối đá dăm. 4) Cát các loại. 5) Đá các loại. 6) Thép xây dựng các loại. 7) Nhựa đường. 8) Gạch xây không nung các loại. 9) Gạch xi măng các loại. 10) Sơn dẻo nhiệt các loại. 11) Cờ trám các loại. 12) Công BTLT và Gói công các loại.</p>	<p>Nhà thầu phải chứng minh các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cung cấp bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực): Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho tất cả các loại vật tư vật liệu theo yêu cầu của E-HSMT. Hợp đồng nguyên tắc phải ghi rõ là hợp đồng dành riêng cho gói thầu này không dùng chung cho các dự án hoặc công trình khác của nhà thầu. - Để minh chứng các đơn vị cung ứng ký kết hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu là những đơn vị thực sự hoạt động nhà thầu cần cung cấp bản scan tối thiểu 2 hợp đồng buôn bán (có kèm cả hóa đơn VAT) do nhà cung ứng này đã thực hiện thành công đối với khách hàng/đối tác trước đây về việc buôn bán vật tư vật liệu tương ứng trong vòng 01 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu ký kết hợp đồng nguyên tắc với đơn vị không thực sự hoạt động chỉ nhằm mục đích hợp thức để trúng thầu sẽ được xem là không đáp ứng khả năng cung ứng. - Nhà thầu cung cấp bản scan: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp của đơn vị cung cấp. - Nhà thầu có bản cam kết tất cả các loại vật liệu cung cấp trong gói thầu có nguồn gốc hợp pháp. - Có biện pháp cung ứng vật tư, vật liệu khi biến động giá hoặc khan hiếm khả thi, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công. <p>Lưu ý: Trong quá trình đánh giá Chủ đầu tư nhận thấy nguồn cung cấp vật tư cho nhà thầu (hoặc nguồn vật tư do nhà thầu có khả năng tự cung cấp) không mang tính khả thi hoặc không đủ điều kiện kinh doanh, cung cấp thì nhà thầu có trách nhiệm cung cấp tài liệu làm rõ để chứng minh theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>	Đạt
	Không đầy đủ nội dung yêu cầu	Không

		đạt
1.2. Đối với vật liệu bê tông nhựa.	<p>a) Trường hợp nhà thầu tự sản xuất bê tông nhựa: Nhà thầu phải có trạm trộn bê tông nhựa công suất $\geq 80T/h$, trạm trộn bê tông nhựa đang hoạt động bình thường (tài liệu chứng minh giấy chứng nhận trạm trộn đã được kiểm định còn hiệu lực).</p> <p>b) Trường hợp nhà thầu mua bê tông nhựa hoặc thuê trạm trộn bê tông nhựa: Nhà thầu phải có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp vật liệu bê tông nhựa hoặc đơn vị cho thuê trạm trộn, đơn vị cung cấp hoặc cho thuê phải đạt tiêu chí đánh giá như quy định tại Mục a.</p> <p>c) Trường hợp nhà thầu lập phương án xây dựng trạm trộn: Nhà thầu phải kèm các văn bản pháp lý để làm cơ sở lắp dựng trạm: Hợp đồng thuê mặt bằng dựng trạm trộn (hoặc tài liệu chứng minh đã có mặt bằng); Văn bản chứng nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; Văn bản cho phép dựng trạm trộn của cơ quan có thẩm quyền; bản vẽ sơ họa vị trí dựng trạm trộn và khoảng cách từ trạm trộn đến chân công trình và các văn bản pháp lý khác (nếu có) và phải đạt tiêu chí đánh giá như quy định tại Mục a.</p>	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ yêu cầu nêu trên.	Không đạt
1.3. Nguồn vật tư, vật liệu, thiết bị kỹ thuật cung cấp cho công trình, chất lượng vật tư vật liệu và phương án vận chuyển đến chân công trình.	<p>- Có nêu rõ nguồn cung cấp vật tư vật liệu đảm bảo hợp lý khả thi và đề xuất phương án vận chuyển đến chân công trình.</p> <p>- Vật tư vật liệu nhà thầu sử dụng phải đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu về kỹ thuật quy định trong hồ sơ thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình thiết kế, thi công, nghiệm thu hiện hành và yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V của E-HSMT.</p> <p>- Có biện pháp cung ứng vật tư, vật liệu khi biến động giá hoặc khan hiếm khả thi, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công.</p>	Đạt
	Không có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không

		đạt
--	--	------------

2. Giải pháp kỹ thuật, tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức tổng mặt bằng thi công xây dựng: Sơ đồ tổ chức hiện trường và bố trí mặt bằng tổ chức thi công (mặt bằng công trình xây dựng; vị trí bãi tập kết vật tư; mặt bằng bố trí thiết bị thi công; cấp thoát nước phục vụ thi công; cấp điện phục vụ thi công; vị trí bố trí nhà tạm thi công; mặt bằng tổ chức thoát hiểm khi có sự cố) hợp lý, phù hợp đặc điểm và vị trí xây dựng công trình: <i>(kèm theo bản vẽ mặt bằng bố trí tổ chức thi công đúng theo thực tế công trình).</i>	Có thuyết minh và sơ đồ tổ chức hiện trường và bố trí mặt bằng tổ chức thi công (mặt bằng công trình xây dựng; vị trí bãi tập kết vật tư; mặt bằng bố trí thiết bị thi công; cấp thoát nước phục vụ thi công; cấp điện phục vụ thi công; vị trí bố trí nhà tạm thi công; mặt bằng tổ chức thoát hiểm khi có sự cố) đầy đủ, rõ ràng, hợp lý <i>(kèm theo bản vẽ mặt bằng bố trí tổ chức thi công đúng theo thực tế công trình).</i>	Đạt
	Thiếu 01 nội dung (hoặc có nhưng chưa rõ ràng, hợp lý)	Không đạt
2.2. Giải pháp thi công các hạng mục theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng khu đất xây dựng công trình (phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công được duyệt).	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng khu đất xây dựng công trình Hoặc không có.	Không đạt
2.3 Giải pháp thi công hiệu quả, không ảnh hưởng đến xung quanh	Có giải pháp đầy đủ và chi tiết, có tính khả thi	Đạt
	Không có giải pháp đầy đủ và chi tiết có tính khả thi hoặc có giải pháp sơ sài, không khả thi	Không đạt
2.4. Giải pháp sửa chữa, khắc phục hư hỏng các công trình lân cận của nhà thầu gây ra trong quá trình thi công.	Có giải pháp đầy đủ và chi tiết, có tính khả thi	Đạt
	Không có giải pháp đầy đủ và chi tiết có tính khả thi hoặc có giải pháp sơ sài, không khả thi	Không đạt

2.5. Cách thức tổ chức quản lý công trình xây dựng, tổ chức quản lý hiện trường, giải pháp phối hợp giữa các tổ đội, đơn vị khác tại công trình.	Có cách thức, giải pháp chi tiết đầy đủ, hợp lý	Đạt
	Không nêu cách thức, giải pháp đầy đủ và chi tiết có tính khả thi hoặc có nhưng sơ sài, không khả thi	Không đạt
2.6. Giải pháp huy động tiềm lực hiện có của nhà thầu phù hợp với gói thầu nhằm phục vụ công tác thi công.	Có giải pháp đầy đủ, chi tiết và có tính khả thi	Đạt
	Không nêu giải pháp đầy đủ và chi tiết có tính khả thi hoặc có nhưng sơ sài, không khả thi	Không đạt
2.7. Bố trí các tổ đội thi công phù hợp cho từng hạng mục thi công	Bố trí các tổ đội thi công của từng hạng mục và thuyết minh chi tiết bố trí các tổ đội phù hợp cho từng hạng mục theo hồ sơ thiết kế	Đạt
	Không bố trí các tổ đội thi công hoặc có bố trí các tổ đội thi công nhưng không thuyết minh chi tiết bố trí các tổ đội phù hợp cho từng hạng mục theo hồ sơ thiết kế	Không đạt
2.8. Công tác chuẩn bị khởi công.	Có công tác chuẩn bị khởi công hợp lý, đầy đủ, phù hợp với điều kiện địa phương và có phương án phù hợp thực tế hiện trạng của công trình (thuyết minh kèm theo bản vẽ hiện trạng).	Đạt
	Không có công tác chuẩn bị khởi công hợp lý, đầy đủ, phù hợp với điều kiện địa phương và không có phương án phù hợp thực tế hiện trạng của công trình (không thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đính kèm theo bản vẽ).	Không đạt
2.9. Biện pháp thi công từng hạng mục công việc theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt	Có thuyết minh + bản vẽ đề xuất biện pháp tổ chức thi công đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình của chi tiết	Đạt

	các công tác theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt và thuyết minh biện pháp thi công phải phù hợp với bản vẽ biện pháp tổ chức thi công và hiện trạng công trình	
	Không có hoặc có thuyết minh + bản vẽ đề xuất biện pháp tổ chức thi công không đầy đủ, không hợp lý, không phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình của toàn bộ các công tác theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ các công tác.	Không đạt
2.10. Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo chất lượng công trình	Thuyết minh đầy đủ từng công đoạn hợp lý và khả thi	Đạt
	Không nêu hoặc sơ sài, không đầy đủ	Không đạt
2.11. Biện pháp Đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận: - Nhà thầu trình bày phương án đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận. - Nhà thầu có cam kết trong quá trình thi công không làm thay đổi hiện trạng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng, thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh. Trường hợp trong quá trình thi công làm thay đổi hiện trạng hư hỏng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận, làm thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh, gây lún nứt, sụp nhà dân thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm xử lý khắc phục bằng chi phí của nhà thầu.	<p>- Có trình bày trình bày phương án đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận phù hợp với hiện trạng các công trình hiện hữu, lân cận đầy đủ và hợp lý.</p> <p>- Có cam kết đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.</p>	Đạt

	Không đáp ứng yêu cầu như trên.	Không đạt
2.12. Biện pháp tổ chức thi công khi gặp các điều kiện khí hậu, thời tiết, thủy văn gây bất lợi (như: nắng nóng kéo dài, mưa, bão, triều cường .v.v.) đối với hạng mục công tác chính <i>có giá trị khối lượng công việc >10% tổng khối lượng công việc</i>	Nêu đầy đủ các giải pháp kỹ thuật thi công khi gặp điều kiện thời tiết bất lợi (<i>nắng nóng kéo dài, mưa, bão</i>) đối với hạng mục công tác chính.	Đạt
	Nêu thiếu một trong các giải pháp kỹ thuật thi công khi gặp điều kiện thời tiết bất lợi (<i>nắng nóng kéo dài, mưa, bão</i>) đối với hạng mục công tác chính hoặc có nêu nhưng giải pháp chưa khả thi.	Không đạt
2.13. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông cho các phương tiện giao thông qua lại trong thời gian thi công: Đảm bảo giao thông đường bộ (<i>Rào chắn - biển báo - hệ thống tín hiệu cảnh báo - điều tiết giao thông</i>).	Nêu đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường bộ cho các phương tiện giao thông qua lại trong thời gian thi công;	Đạt
	Nêu thiếu hoặc sai các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông bộ cho các phương tiện giao thông qua lại trong thời gian thi công hoặc không nêu	Không đạt
2.14. Quản lý rủi ro	Có đánh giá chi tiết các yếu tố có thể gây rủi ro trong quá trình thực hiện gói thầu như: công trình chìm khuất (điều tra, khảo sát, biện pháp xử lý), an toàn giao thông (biện pháp điều phối, phối hợp với cơ quan chức năng tại địa phương), thiên tai, cung ứng vật tư, lao động, biến động lớn về giá cả, việc thay đổi chính sách pháp luật của nhà nước,... một cách đầy đủ, hợp lý.	Đạt
	Không có đánh giá hoặc có nhưng không đầy đủ, hợp lý.	Không đạt
Kết luận	Cả 14 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt

	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
--	--	------------------

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công:	<p>Thời gian thi công là 90 ngày. Nhà thầu phải lập biểu đồ tiến độ thi công, chi tiết của từng công việc theo bảng kê hạng mục công việc (Mẫu số 01A), phải phù hợp với. biện pháp thi công, định mức xây dựng, điều kiện thực tế tại công trường, định mức xây dựng và phải đáp ứng yêu cầu cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30 ngày sau khi khởi công, thi công hoàn thành đạt $\geq 33\%$ giá trị hợp đồng. - 60 ngày sau khi khởi công, thi công hoàn thành đạt $\geq 67\%$ giá trị hợp đồng. - 90 ngày sau khi khởi công, thi công hoàn thành đạt 100% giá trị hợp đồng. <p>90 ngày sau khi khởi công, hoàn thành các phần việc còn lại theo hợp đồng (trừ nghĩa vụ bảo hành) và được cơ quan chuyên môn về xây dựng chấp thuận nghiêm thu hoàn thành công trình. Nhà thầu phải lập biểu đồ nhân lực thể hiện nhân sự chủ chốt và huy động công nhân khả thi theo tiến độ và biện pháp thi công; biểu đồ huy động máy móc thiết bị thi công phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công; biểu đồ cung ứng vật liệu phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công.</p>	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
3.2. Tính phù hợp:	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c).	Đạt
a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.		
b) Giữa bố trí nhân lực, nhân sự chủ chốt và tiến độ thi công. c) Giữa biểu đồ cung cấp các loại vật tư, vật liệu phù hợp với tiến	Đề xuất không đủ 3 nội dung a), b) và c).	Không đạt

độ và nhân lực, nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công.		
3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật bao gồm: Biểu đồ thi công tổng thể, Biểu đồ thi công theo giai đoạn (tỷ lệ % nêu tại mục 4.1), biểu đồ thi công chi tiết từng công việc, biểu đồ huy động vật tư, nhân công, máy thi công. Và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT, phù hợp với biện pháp thi công đã đưa ra.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
3.4. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công liên tục, duy trì thi công khi mất điện, đảm bảo thiết bị hoạt động liên tục.	Thuyết minh đầy đủ, chi tiết và đảm bảo yêu cầu.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có nhưng không phù hợp.	Không đạt
3.5. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công tổng thể	Có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công tổng thể trong trường hợp tiến độ một số hạng mục không đảm bảo do ảnh hưởng bởi thời tiết hoặc các yếu tố khác	Đạt
	Không có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công tổng thể trong trường hợp tiến độ một số hạng mục không đảm bảo do ảnh hưởng bởi thời tiết hoặc các yếu tố khác hoặc có nhưng không phù hợp.	Không đạt
Kết luận	Cả 5 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
4.1. Hệ thống quản lý chất lượng.	Có hệ thống quản lý chất lượng trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng.
	Đạt

	Không có hệ thống quản lý chất lượng hoặc có nhưng không nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng.	Không đạt
4.2. Hệ thống chất lượng kiểm tra thí nghiệm vật tư vật liệu đầu vào tại hiện trường.	<p>- Có trình bày kế hoạch tổ chức thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình phù hợp với biện pháp thi công cũng như hồ sơ thiết kế.</p> <p>- Có phòng thí nghiệm hiện trường được công nhận với bản liệt kê danh mục các phép thử và các thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của công trình. (<i>Trường hợp nhà thầu có phòng thí nghiệm được công nhận (LAS-XD) thì phải cung cấp bản sao được chứng thực quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực. Trường hợp nhà thầu ký kết với đơn vị thí nghiệm khác thì phải cung cấp bản sao được chứng thực: Hợp đồng nguyên tắc; Quyết định công nhận LAS-XD còn hiệu lực của đơn vị ký kết</i>).</p>	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu như trên.	Không đạt
<p>4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công bao gồm:</p> <p>- Quy trình và phương án quản lý đảm bảo chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng.</p> <p>- Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật.</p> <p>- Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu</p>	<p>- Có quy trình và phương án quản lý đảm bảo chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công cũng như hồ sơ thiết kế. - Có trình bày Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật phù hợp với biện pháp thi công cũng như hồ sơ thiết kế.</p> <p>- Có trình bày Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận</p>	Đạt

công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.	(hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng phù hợp với biện pháp thi công cũng như hồ sơ thiết kế.	
	Không đáp ứng yêu cầu như trên.	Không đạt
4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão	Có nêu biện pháp đầy đủ và chi tiết	Đạt
	Không có biện pháp bảo quản hoặc có biện pháp bảo quản nhưng chưa đầy đủ, chưa chi tiết hoặc không hợp lý.	Không đạt
4.5. Biện pháp, quy trình quản lý tài liệu, hồ sơ, nhật ký thi công, báo cáo sự cố, sai sót giữa thực tế - bản vẽ - khối lượng theo hợp đồng với nhau, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.	Có trình bày chi tiết, hợp lý, đúng quy định.	Đạt
	Không có hoặc có nhưng trình bày không chi tiết, không hợp lý, không đúng quy định.	Không đạt
4.6. Thí nghiệm, kiểm tra vật tư, vật liệu, các công tác cần phải thực hiện tại hiện trường. Phương pháp thực hiện phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng và dụng cụ, thiết bị của nhà thầu sẵn có.	Có biện pháp và thuyết minh đầy đủ, chi tiết, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	Đạt
	Không có biện pháp và thuyết minh đầy đủ, chi tiết, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	Cả 6 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường trên công trường xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
5.1. An toàn lao động	
Biện pháp an toàn lao động, an ninh, an toàn giao thông phù hợp với tính chất của hạng mục công trình/công trình đang xét	Có biện pháp an toàn lao động, an ninh, an toàn giao thông phù hợp với tính chất của hạng mục công trình/công trình đang xét (thi công khoan đường, đào đắp vỉa hè và các công tác khác ảnh hưởng đến
	Đạt

	an toàn lao động, giao thông,...) và có cam kết đảm bảo an toàn lao động trong thi công và có thể hiện trách nhiệm của nhà thầu trong cam kết.	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công (có thuyết minh và bản vẽ).	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5.3. Xử lý chất thải từ quá trình thi công		
Xử lý chất thải từ quá trình thi công	Có thuyết minh và cam kết thu gom, vận chuyển, tập kết và xử lý phế thải, đất thải ... đúng nơi quy định.	Đạt
	Không có cam kết.	Không đạt
5.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung... bảo vệ môi trường trong qua trình thi công.		
Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong quá trình thi công	Có phương án giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung... bảo vệ môi trường trong quá trình thi công tránh ảnh hưởng tới môi trường làm việc, sinh hoạt xung quanh công trình (có thuyết minh và bản vẽ).	Đạt
	Không có phương án giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong qua trình thi công tránh ảnh hưởng tới môi trường làm việc, sinh hoạt xung quanh công trình.	Không đạt
Kết luận	Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành, bảo trì	Đề xuất thời gian bảo hành công trình tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng (<i>kèm theo thuyết minh biện pháp bảo hành, thời gian khắc phục sự cố nếu có trong thời gian bảo hành</i>)	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
6.2. Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm (2022, 2023, 2024) trở lại đây.	<p>Nhà thầu đã không vi phạm về uy tín nhà thầu tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như sau:</p> <p>a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;</p> <p>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này;</p> <p>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;</p> <p>d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng.</p> <p>đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề</p>	Đạt

	<p>xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn;</p> <p>i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước. và các trường hợp vi phạm khác được nêu tại Điều 19 và Điều 20</p>	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.